

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2022

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Bùi Đức H.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Mạnh Nhanh và ông Nguyễn Đại Đồng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Duy Quang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bạch Thị H, sinh năm 1995. *Có mặt.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. *Có mặt.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 7 năm 2021 và các lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là chị Bạch Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 17/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Dù hai bên đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2019, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chúc và đề nghị giao cháu T Anh cho anh T nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 27/10/2021, Bị đơn là anh Nguyễn Văn T xác nhận về quan hệ hôn nhân như chị Bạch Thị H đã khai là đúng. Đến nay anh cũng xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 và Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức và nợ chung: anh xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Xác minh các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T, ngày 10/12/2021 Ủy ban nhân dân xã B cung cấp: chị Bạch Thị H và anh Nguyễn Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lai Tảo, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013. Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Nay chị H yêu cầu ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu quan điểm:

Về tổ tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tổ tụng dân sự khi giải quyết vụ án; đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bạch Thị H và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: xét nguyện vọng nuôi con chung của các đương sự là chính đáng, do vợ chồng có hai con chung nên đề nghị giao cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016 cho chị H và giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm điều kiện phát triển bình thường của con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, công sức và nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị Bạch Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** chị Bạch Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

**[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bạch Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã tìm mọi biện pháp hòa giải nhưng không có kết quả; thực tế từ năm 2019 đến nay đã sống ly thân, không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau nữa.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H

yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức cũng đề nghị xử cho vợ chồng được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét nguyện vọng nuôi con chung của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, do vợ chồng có hai con chung, để bảo đảm điều kiện phát triển bình thường của con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016 cho chị H và giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra bảo đảm quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho các bên, không ai được cản trở.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị H và anh T đều không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: chị Bạch Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bạch Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bạch Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016, đều đang ở với anh Nguyễn Văn T.

Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 01/8/2016 cho chị Bạch Thị H và giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 04/3/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao con chung

Nguyễn Thanh Ch cho chị Bạch Thị H khi bản án có hiệu lực pháp luật, được thi hành theo Luật thi hành án Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bạch Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bạch Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bạch Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00038658 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Đức.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Bột Xuyên;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Đức Hiệp**